

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ .Q
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST

Ngày: 28/11/2019

‘V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản’

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ .Q, TỈNH QUẢNG TRỊ**

-T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn T Luân và ông Cao Hậu.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Phú – Thư ký Toà án nhân dân thị xã .Q, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã .Q, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-DS ngày 06/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần T.P; địa chỉ: Khu phố 5, phường 3, thị xã .Q, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1972 – Giám đốc Công ty cổ phần T.P là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Đức Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 33 đường L.D, khu phố 2, phường 1, thị xã .Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2019 và tại phiên tòa, đại diện phía nguyên đơn ông Nguyễn Quang T trình bày:

Công ty cổ phần T.P và anh Lê Đức Q có thỏa thuận bằng miệng về việc Công ty cổ phần T.P sẽ cung cấp vật liệu làm ga ra sửa xe Long Giang tại địa chỉ số 33 đường L.D, khu phố 2, phường 1, thị xã .Q, bao gồm các mặt hàng: cát, đá, đất đỏ. Trong thời gian từ ngày 09/7/2015 đến ngày 05/4/2016 Công ty cổ phần T.P đã

cung cấp đầy đủ số lượng hàng hóa trên và được anh Lê Đức Q xác nhận với số tiền công nợ là 91.951.667 đồng (chín mươi một triệu chín trăm năm mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Theo thỏa thuận, đến thời điểm bên anh Lê Đức Q hết lấy hàng (tính từ ngày 06/4/2016) thì phải trả hết số tiền trên cho Công ty cổ phần T.P. Nhưng đến hạn trả nợ, Công ty cổ phần T.P đã cử nhân viên gọi điện thoại và trực tiếp đến gặp anh Lê Đức Q để yêu cầu trả nợ nhưng anh Q cứ hẹn lần này đến lần khác mà không chịu trả nợ cho công ty. Sau khi Công ty cổ phần T.P gửi cho anh Q văn bản yêu cầu trả nợ thì đến ngày 18/12/2017 anh Q có trả cho Công ty cổ phần T.P số tiền là 15.000.000 đồng, ngày 27/01/2019 trả thêm 10.000.000 đồng, ngày 31/01/2019 trả thêm 7.000.000 đồng, tổng cộng 3 lần ông Q đã trả cho Công ty cổ phần T.P số tiền là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng). Từ thời gian đó đến nay anh Q không chịu thanh toán số tiền còn lại theo như thỏa thuận ban đầu.

Vì vậy, Công ty cổ phần T.P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã .Q giải quyết buộc anh Lê Đức Q phải trả cho Công ty cổ phần T.P số tiền nợ còn lại là: 59.951.667 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Ông Lê Đức Q trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần T.P đề ngày 10/6/2019, Tòa án nhân dân thị xã .Q xác định về quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thông qua Công ty cổ phần T.P và bị đơn cư trú tại khu phố 2, phường 1, thị xã .Q. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã .Q thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thị xã .Q đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 cho bị đơn anh Lê Đức Q theo quy định của pháp luật. Do anh Q thường xuyên vắng mặt nơi cư trú, nên Tòa án không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Q như: Thông báo về phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đó theo quy định pháp luật, nhưng anh Q vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh Q vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai anh Q vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Giấy yêu cầu trả tiền nợ (lần thứ 01) đề ngày 20/6/2017 của Công ty cổ phần T.P được bị đơn anh Lê Đức Q viết và ký xác nhận công nợ vào ngày 12/10/2017 là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 59.951.667 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) nhưng sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T.P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận trong Giấy yêu cầu trả tiền nợ đề ngày 20/6/2017 thì bị đơn anh Lê Đức Q phải trả cho Công ty cổ phần T.P số tiền 91.951.667 đồng (chín mươi một triệu chín trăm năm mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) trong vòng 15 ngày kể từ ngày bị đơn ký xác nhận 12/10/2017. Tuy nhiên, tính đến ngày 31/01/2019 phía bị đơn chỉ mới trả cho phía nguyên đơn ba lần tổng cộng số tiền là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), số tiền bị đơn còn nợ lại là 59.951.667 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) nhưng đến nay anh Lê Đức Q vẫn chưa thanh toán cho Công ty cổ phần T.P, nên anh Q đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ. Do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T.P về việc đòi nợ gốc 59.951.667 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận (Căn cứ Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự).

Về khoản nợ lãi: Phía nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Lê Đức Q phải thanh toán số tiền nợ còn lại là 59.951.667 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 117, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần T.P.

Buộc anh Lê Đức Q phải trả cho Công ty cổ phần T.P số tiền 59.951.667 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí: Anh Lê Đức Q phải chịu 2.997.584 đồng (hai triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm tám mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần T.P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.498.791 đồng (một triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm chín một đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000622 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã .Q.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã .Q;
- Chi cục THADS thị xã .Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn T Luân

Cao Hậu

Phan Thị Hạnh